

Số: 43/2007/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 01/2004/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 109/2004/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 195/TTr-STP ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc ban hành Quy chế tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nơi nhận: 

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 2;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Trưởng, Phó phòng; các CV;
- Lưu VT, TP (MH-120)

In : 70/P-



Lê Thị Quang

QUY CHẾ

Tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-UBND
ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh trong việc giúp UBND tỉnh tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có nội dung chứa đựng quy phạm pháp luật do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác soạn thảo, thẩm định, ban hành, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có nội dung chứa đựng quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Văn bản thuộc phạm vi tự kiểm tra, xử lý

1. Văn bản do UBND tỉnh ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND.

2. Văn bản do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành có nội dung chứa đựng quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật.

3. Các loại văn bản khác theo quy định của pháp luật phải tự kiểm tra, xử lý.

Điều 4. Mục đích tự kiểm tra, xử lý văn bản

Nhằm kịp thời phát hiện những văn bản có nội dung trái pháp luật, không phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương để đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ văn bản; xác định trách nhiệm và có biện pháp xử lý đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc tham mưu, đề xuất, soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản có nội dung trái pháp luật.

Điều 5. Nội dung tự kiểm tra văn bản

1. Kiểm tra sự phù hợp của văn bản với hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; sự phù hợp của hình thức văn bản với nội dung văn bản đó; sự phù hợp của nội dung văn bản với thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản đó.

2. Nội dung tự kiểm tra văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ; điểm 2, Mục I, Thông tư số 01/2004/TT-BTP ngày 16/6/2004 của Bộ Tư pháp và kiểm tra sự phù hợp của văn bản với tình hình kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương.

Điều 6. Nguyên tắc tự kiểm tra và xử lý văn bản

1. Tuân thủ đúng nguyên tắc quy định tại Điều 4, Điều 5, Nghị định số 135/2003/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế này.

2. Tự kiểm tra văn bản phải do các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh thực hiện thường xuyên, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

3. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỰ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN

Điều 7. Gửi và tiếp nhận văn bản

1. Đối với văn bản quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy chế này, khi ban hành, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm gửi Sở Tư pháp 01 bản để kiểm tra.

2. Trong trường hợp UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản nhận được thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh ban hành có nội dung trái pháp luật hoặc có ý kiến, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về văn bản do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành có nội dung chứa đựng quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chuyển văn bản và các tài liệu liên quan cho Sở Tư pháp để kiểm tra.

Điều 8. Tổ chức tự kiểm tra văn bản

1. Sau khi nhận được văn bản gửi đến để kiểm tra, căn cứ tính chất, nội dung của văn bản và yêu cầu kiểm tra, Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức thực hiện việc kiểm tra văn bản theo quy định.

2. Đơn vị, cá nhân được phân công kiểm tra văn bản có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, kiểm tra toàn bộ văn bản theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này; đối chiếu nội dung của văn bản với cơ sở pháp lý theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 135/2003/NĐ-CP của Chính phủ; điểm 3, Mục I, Thông tư số 01/2004/TT-BTP của Bộ Tư pháp để xem xét, đánh giá về tính hợp pháp của văn bản. Nếu phát hiện văn bản có nội dung trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp

chuẩn bị các văn bản, tài liệu có liên quan, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

3. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Tư pháp có quyền yêu cầu cơ quan, đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản được kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến văn bản.

Điều 9. Phối hợp kiểm tra và đề xuất xử lý văn bản

1. Khi phát hiện văn bản có nội dung trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp thông báo cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản phối hợp, làm rõ những nội dung trái pháp luật, biện pháp xử lý và dự thảo quyết định xử lý văn bản trái pháp luật.

2. Trong trường hợp Sở Tư pháp và cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản thống nhất ý kiến về nội dung trái pháp luật của văn bản, biện pháp xử lý là đình chỉ, hủy bỏ hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản thì Sở Tư pháp dự thảo quyết định xử lý, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản không thống nhất ý kiến, phải có văn bản trình bày rõ quan điểm gửi Sở Tư pháp để báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 10. Báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất xử lý văn bản

Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh bằng văn bản về kết quả kiểm tra văn bản kèm theo hồ sơ văn bản có nội dung trái pháp luật; nêu rõ văn bản được kiểm tra, cơ sở pháp lý để kiểm tra, quá trình tổ chức kiểm tra, nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra, ý kiến của Sở Tư pháp, đơn vị chủ trì soạn thảo về kết quả kiểm tra và đề xuất hướng xử lý văn bản.

Điều 11. Xem xét, quyết định xử lý văn bản

Trên cơ sở báo cáo và hồ sơ văn bản có nội dung trái pháp luật quy định tại Điều 10 của Quy chế này, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật.

Điều 12. Thời hạn kiểm tra, xử lý đối với văn bản theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra

Thời hạn kiểm tra, xử lý không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo đến ngày gửi thông báo kết quả kiểm tra. Cụ thể:

1. Chậm nhất không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, kiến nghị nêu tại khoản 2, Điều 7 của Quy chế này, Văn phòng UBND tỉnh chuyển tài liệu có liên quan cho Sở Tư pháp theo quy định.

2. Chậm nhất không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được các tài liệu có liên quan, Sở Tư pháp hoàn thành việc tự kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Quy chế này.

3. Chậm nhất không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định việc xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

Điều 13. Công bố kết quả xử lý văn bản

Việc công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 135/2003/NĐ-CP của Chính phủ; điểm 5, Mục I, Thông tư số 01/2004/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân đã tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 135/2003/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Căn cứ vào nội dung trái pháp luật và mức độ thiệt hại thực tế do văn bản trái pháp luật gây ra, Giám đốc Sở Tư pháp đề xuất biện pháp khắc phục hậu quả và phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh xem xét xử lý đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân đã tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định hình thức, mức độ xử lý đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân đã tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Kiểm tra, xử lý văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước

Việc kiểm tra, xử lý văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 135/2003/NĐ-CP của Chính phủ; điểm 9, Mục III, Thông tư số 01/2004/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản không còn phù hợp

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương hoặc do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới, cơ quan chủ trì soạn thảo, trình ban hành văn bản có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản không còn phù hợp.

2. Trình tự, thủ tục soạn thảo, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản có nội dung không còn phù hợp được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Kinh phí bảo đảm cho công tác tự kiểm tra và xử lý văn bản

Kinh phí bảo đảm cho công tác tự kiểm tra, xử lý văn bản theo Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2004/TTLT-BTC-BTP ngày 17/11/2004 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp; Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 30/10/2007 của UBND tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Giám đốc Sở Tư pháp là đầu mối giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc tự kiểm tra và đề xuất xử lý văn bản.

2. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh:

a) Tổ chức kiểm tra văn bản do mình chủ trì soạn thảo; phối hợp với Sở Tư pháp tự kiểm tra theo quy định của Quy chế này nhằm đảm bảo việc tự kiểm tra văn bản được tiến hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

b) Thường xuyên tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực được giao phụ trách, quản lý; kịp thời phát hiện nội dung không còn phù hợp của văn bản với tình hình kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước hoặc khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới đề xuất, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp trong công tác tự kiểm tra và xử lý văn bản theo quy định của Quy chế này.

4. Khi phát hiện văn bản do UBND tỉnh ban hành có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh kịp thời với UBND tỉnh để xử lý theo quy định.

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác tự kiểm tra và xử lý văn bản do UBND tỉnh ban hành được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

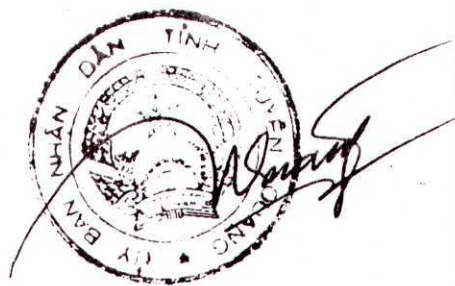
2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về kiểm tra, xử lý văn bản và quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Lê Thị Quang